

NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX - ĐẦU THẾ KỶ XX QUA CÁC NHÀ TƯ TƯỞNG TIÊU BIỂU

DOÀN CHÍNH(*)

PHẠM ĐÀO THỊNH(**)

Bài viết phân tích và làm sáng tỏ một số nội dung, đặc điểm cơ bản của tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX qua các nhà tư tưởng tiêu biểu; trong đó, tập trung vào một số nội dung chính, như tư tưởng về tự cường dân tộc, nâng cao dân trí, bồi dưỡng sức dân, truyền bá tư tưởng dân chủ tư sản... Theo tác giả, mặc dù có những nội dung mới, cách mạng và tiến bộ, song do điều kiện lịch sử cũng như lập trường và tầm nhìn của các nhà tư tưởng, tư tưởng chính trị Việt Nam giai đoạn này còn có những biểu hiện dao động, mơ hồ, thậm chí có lúc đi đến thoả hiệp.

Giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là giai đoạn lịch sử Việt Nam có những biến đổi hết sức to lớn. Thực dân Pháp xâm lược và biến nước ta thành xã hội thuộc địa, nửa phong kiến. Chế độ phong kiến Việt Nam cùng với hệ tư tưởng Nho giáo ngày càng tỏ ra bất lực trước yêu cầu của công cuộc chống ngoại xâm vì nền độc lập dân tộc. Trong bối cảnh đó, một số nhà tư tưởng tiêu biểu, từ Phạm Phú Thứ, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch... đến Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh,... đã thực hiện một bước chuyển tư tưởng chính trị có ý nghĩa lịch sử to lớn.

Từ sự phê phán hệ tư tưởng phong kiến, các ông đã đề xuất tư tưởng canh tân vào cuối thế kỷ XIX và sau đó, khởi xướng tư tưởng dân chủ tư sản vào đầu thế kỷ XX, tạo nên ảnh hưởng lớn đối với xã hội Việt Nam. Hồ Chí Minh viết: "Năm 1926 có một sự thức tỉnh trong toàn quốc tiếp theo sau cái chết của một nhà quốc gia chủ nghĩa Phan Châu Trinh"(1). Phong trào cách mạng dân chủ tư sản tuy thất bại, nhưng con người, tư tưởng đổi mới của nó vẫn có ý nghĩa nhất định đối với sự nghiệp cứu nước, cứu dân sau này. Trên mảnh đất ấy, Nguyễn Ái Quốc đã

gieo mầm chủ nghĩa Mác – Lênin và là người hoàn thành bước chuyển tư tưởng chính trị trong giai đoạn lịch sử đặc biệt này vào những năm 30 của thế kỷ XX. Cho nên, có thể nói, tư tưởng chính trị cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX là một bước chuyển, là khâu trung gian để chuyển từ hệ tư tưởng phong kiến sang hệ tư tưởng vô sản.

Bằng việc phê phán hệ tư tưởng phong kiến, các nhà tư tưởng đã đề xuất tư tưởng canh tân, chuẩn bị từ bỏ hệ tư tưởng cũ và đi tìm con đường mới cứu nước, cứu dân. Vào cuối thế kỷ XIX, nhận thấy Nho giáo đã đi vào con đường suy tàn, bất lực trước yêu cầu của lịch sử, nhiều nhà tư tưởng tiến bộ đã đề xuất tư tưởng canh tân, đổi mới nhằm chấn hưng đất nước, tiêu biểu như Phạm Phú Thứ, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, v.v.. "Họ chính là những người đã trồng cái mầm khai hóa trước tiên"(2).

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trưởng khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

(**) Thạc sĩ, giảng viên Khoa Triết học, Học viện Chính trị khu vực II.

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.20.

(2) Phan Bội Châu. *Toàn tập*, t.2, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1990, tr.383.

Trong trào lưu tư tưởng canh tân, Đặng Huy Trứ (1825 - 1874), Nguyễn Trường Tộ (1830 - 1871) là những nhà tư tưởng tiêu biểu nhất. Nguyễn Trường Tộ là người viết rất nhiều bản điều trần gửi vua, quan nhà Nguyễn kêu gọi đổi mới toàn diện đất nước. Theo ông, phải có sự canh tân đất nước, bởi “Thời đại nào có chế độ ấy. Con người sinh ra thời đại nào cũng chỉ đủ làm công việc của thời đại ấy mà thôi. Vậy thì người sinh vào thời xưa làm xong công việc của thời xưa. Rồi dần dần thời thế đổi dời, làm sao có thể mãi mãi ôm giữ phép xưa mãi được”(3). Về tư tưởng, Nguyễn Trường Tộ là một nhà cải cách, ông coi *ngôi vua là quý, chức quan là trọng*, không muốn thay đổi chế độ quân chủ mà muốn có một người cầm quyền đủ khả năng dẫn dắt muôn dân tiến hành canh tân đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh việc đề cao chế độ quân chủ, kêu gọi thực hiện “chính danh”, Nguyễn Trường Tộ cũng nhận thấy vai trò của pháp luật và cho rằng, vua cũng nên tự hạ mình để ghép vào vòng pháp luật. Ông viết: “Bề trên lo giữ pháp độ, lo việc nước thì chỉ dùng người hiền, đã theo công lý giữ pháp luật thì trên sẽ hợp điển chế không ai dị nghị, sự nghiệp không suy đốn”(4). Như vậy, trong quan điểm của Nguyễn Trường Tộ, những yếu tố của tư tưởng dân chủ đã xuất hiện, đan xen tồn tại với quan điểm Nho giáo, phản ánh sự dao động tư tưởng khi hệ tư tưởng cũ lung lay, hệ tư tưởng mới chưa được xác lập.

Với tư cách một nhà hoạt động chính trị, cũng như Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ đã đề xuất tư tưởng canh tân đất nước. Trước thực trạng đất nước suy vi, ông và nhiều nhà tư tưởng canh tân khác cho rằng, cần phải bỏ lối học tầm chương trích cú của Nho học, không thể chỉ dùng văn chương lý lẽ mà phải tiếp thu khoa học - kỹ thuật của phương Tây để thúc đẩy sản

xuất, làm cho dân giàu, nước mạnh. Ông viết: “Làm cho dân giàu nước mạnh đâu phải là một việc chẳng cần lo toan nhiều” và “Làm ra của cải, cái đạo lý lớn ấy là việc không thể coi nhẹ được”(5). Theo ông, muốn tự cường đánh Pháp phải nhanh chóng thay đổi cách nghĩ, từ chỗ xem đạo đức, lễ nghĩa là cái duy nhất, tối cao, bất biến đến phải thấy sản xuất của cải vật chất cũng là “đạo lý lớn” vậy! Ông kịch liệt phản đối việc dùng lời lẽ, đạo lý nhà Nho để xin giặc rủ lòng thương của phái cầu hòa, bởi nếu “chỉ dựa vào đối đáp, ai là người có thể làm nguôi lạnh được tim gan giặc”(6). Bên cạnh việc phát triển kinh tế, Đặng Huy Trứ còn cho rằng, phải xây dựng nền quân sự vững mạnh, bởi kinh tế và quân sự có mối quan hệ hữu cơ với nhau trong vấn đề giữ vững độc lập dân tộc. Ông viết: “Cấy cày và canh cửi là gốc của cơm áo. Nhưng nếu không hiểu việc binh để giữ lấy thì dù có thừa thóc trong kho, thừa vải trên khung cửi cũng bị kẻ địch lấy đi”(7). Trong tư tưởng Đặng Huy Trứ, quan niệm về dân là một nét mới khá nổi bật trong tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế kỷ XIX. Ông coi “dân là gốc của nước, là chủ của thân”; “Khí mạnh của nước là lấy dân làm gốc. Bồi bổ cái gốc đó mới là thầy thuốc giỏi”(8). Những quan niệm đó đánh dấu sự đổi mới trong suy tư của dân tộc ta cuối thế kỷ XIX. Có thể nói, xu hướng cải cách xã hội là xu thế tất yếu đặt ra cho dân tộc Việt Nam trong giai đoạn này. Các nhà tư tưởng, như Đặng Huy Trứ, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường

(3) Dẫn theo: Trương Bá Cẩn. *Nguyễn Trường Tộ con người và di thảo*. Nxb TP. Hồ Chí Minh, 2002, tr.260.

(4) Dẫn theo: Trương Bá Cẩn. *Sđđ.*, 2002, tr.204.

(5) Dẫn theo: Nhóm Trà Linh. *Đặng Huy Trứ – con người và tác phẩm*. Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1990, tr.374.

(6) Dẫn theo: Nhóm Trà Linh. *Sđđ.*, tr.251.

(7) Dẫn theo: Nhóm Trà Linh. *Sđđ.*, tr.506.

(8) Dẫn theo: Nhóm Trà Linh. *Sđđ.*, tr.284.

Tô, Nguyễn Lộ Trạch... đã nắm bắt được xu thế đó và bước đầu tạo ra một bước chuyển trong tư tưởng chính trị, từ tư tưởng quân chủ sang tư tưởng dân chủ, từ vương quyền sang dân quyền. Nhưng do hạn chế bởi điều kiện lịch sử, lập trường và tầm nhìn, cũng như ảnh hưởng khá sâu nặng của ý thức hệ phong kiến nên tư tưởng cải biến xã hội của các ông chỉ mang tính chất cách tân, trong khuôn khổ trật tự của xã hội cũ.

Tiếp thu tư tưởng của các nhà canh tân cuối thế kỷ XIX, một số nhà tư tưởng đầu thế kỷ XX, như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn An Ninh,... tiếp tục phát triển tư tưởng đó lên trình độ mới, cao hơn về chất. Các ông đã từ bỏ dần hệ tư tưởng phong kiến, mạnh dạn đi tìm hệ tư tưởng mới cho dân tộc. Theo Phan Bội Châu, hệ tư tưởng Nho giáo đã hết vai trò lịch sử và chỉ làm cho dân tộc ta mất dần sức sống. Ông viết: "... nước Việt Nam mơ màng đôi mắt ngủ, uể oải một thân bệnh, tôn quân quyền, ức dân quyền, trọng hư văn, khinh võ sĩ, trộm cướp rình mò ở sân, mà vợ con say hát trong nhà, chủ nhân nằm dài trên giường luôn luôn ngáp mỗi mết. Than ôi! Nguy ngập lắm thay"(9)! Còn nên Nho học thì không thiết thực, tạo nên tầng lớp văn sĩ chẳng có mấy tác dụng đối với xã hội: "Các triều đình chuyên chế đã dùng khoa cử làm cái bẫy ràng buộc hào kiệt, tai mắt xóm làng cũng chỉ chuyên chú đến trường thi, làm cho người ta sinh ra từ tám tuổi trở lên đã vùi đầu, mờ mắt vì cái ngục tù bát cổ thi phú. Tiếng nói là văn sĩ, chữ thực ra chỉ là một vật chết không biết cái gì, cũng không làm được trò gì"(10). Phan Châu Trinh cũng cho rằng, do chế độ phong kiến đã thực sự thối nát, mục ruỗng, nhu nhược, nên đã để cho quyền lực chính trị rơi vào thực dân Pháp. Bộ máy của chế độ phong

kiến là bù nhìn, như quân trên bàn cờ tướng: "Một ông tướng lác đứng trong cung, Sĩ tượng khoanh tay chẳng vẫy vùng"(11). Tầng lớp Nho sĩ vẫn chìm đắm trong hư văn, chưa kịp chuyển biến theo thời thế: "Việc đời nhìn lại thấy chẳng còn gì, sông núi không còn nước mắt để khóc các bậc anh hùng. Muôn nhà làm tôi tớ dưới ách cường quyền, nhiều người đang ngủ mê trong giấc mộng văn chương bát cổ"(12). Là trí thức Tây học, Nguyễn An Ninh cũng coi sai lầm lớn nhất là quá đề cao tư tưởng Nho giáo, dẫn đến sự cản trở quá trình phát triển của lịch sử. Ông nói: "... suy tôn học thuyết của Khổng Tử lên tới giá trị cao nhất về tinh thần, thì lại là một bước khác, khó cho ta dẫn tới được"(13). Không chỉ có vậy, việc nhào nặn tư tưởng Khổng Tử theo quan điểm của các nhà Nho phong kiến cũng rất tai hại. Nhiều nhà tư tưởng tiến bộ khác, như Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Lương Văn Can,... cũng đã kịch liệt phê phán Nho giáo và chế độ phong kiến, thể hiện trong tư tưởng và sự bất hợp tác với chế độ phong kiến.

Từ việc phê phán chế độ phong kiến, các nhà tư tưởng đã tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản, học tập kinh nghiệm các cuộc cách mạng tư sản Trung Quốc, Nhật Bản, bắt đầu xây dựng những phạm trù dân chủ tư sản ở Việt Nam và phát động phong trào Duy Tân. Ở phương Tây, tư tưởng dân chủ được hình thành trên cơ sở kinh tế - xã hội của nó, nên mang tính thuần thực, điển hình, phản ánh nguyện vọng, khát khao

(9) Phan Bội Châu. *Toàn tập*, t.2. Nxb Thuận Hoá, Huế, 1990, tr.107.

(10) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.2, tr.434 - 435.

(11) Dẫn theo: Nguyễn Văn Dương. *Tuyển tập Phan Châu Trinh*. Nxb Đà Nẵng, 1995, tr.71.

(12) Dẫn theo: Nguyễn Văn Dương. *Sđđ.*, tr.74.

(13) Dẫn theo: Nguyễn An Tịnh. *Nguyễn An Ninh*. Nxb Trẻ, 1996, tr.78.

làm chủ xã hội của con người. Mục đích của tư tưởng dân chủ tư sản ở phương Tây là vì lợi ích giai cấp, như Hồ Chí Minh đã từng nói, giai cấp tư sản dùng chữ Tự do, Bình đẳng, Đồng bào để lừa dân, xúi dân đánh đổ phong kiến, khi đánh đổ phong kiến rồi thì nó lại thay phong kiến áp bức dân. Ở Việt Nam, các nhà tư tưởng lựa chọn dân chủ tư sản là vì lợi ích của dân tộc: đi tìm con đường cứu nước, giành độc lập tự do. Những người hấp thụ và truyền bá tư tưởng dân chủ tư sản chủ yếu là tầng lớp sĩ phu được tư sản hóa trong hoàn cảnh giai cấp tư sản Việt Nam ra đời muộn và rất nhỏ bé. Cho nên, tư tưởng dân chủ tư sản ở nước ta có tính đặc thù: không thuần thực, điển hình như ở phương Tây; các phạm trù dân chủ tư sản vẫn chịu ảnh hưởng của Nho giáo và mang sắc thái văn hóa Việt Nam. Mặc dù vậy, tư tưởng dân chủ tư sản ở Việt Nam đã được các nhà tư tưởng phác họa những nội dung cơ bản, phản ánh sự vận động và phát triển tất yếu của lịch sử tư tưởng.

Trước hết, về mục đích cách mạng, các nhà tư tưởng đều thống nhất mục đích là cứu nước, cứu dân, giành độc lập dân tộc. Phan Bội Châu viết: “Phan Bội Châu lấy việc cứu quốc làm chủ nghĩa, cho nên muốn cho nước ta độc lập. Lại lấy việc cứu dân làm chủ nghĩa, cho nên không muốn ngó thấy dân ta phải lầm than”(14). Đối với ông, “phải xóa bỏ chính thể quân chủ, vì đó là một chính thể rất xấu xa vậy” và phải “đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam và thành lập nước Cộng hòa dân chủ”(15). Còn Phan Châu Trinh - người khởi xướng tư tưởng dân chủ tư sản ở Việt Nam thì xác định rõ chủ đích của mình là đánh đổ chế độ phong kiến và đưa dân tộc đi theo con đường dân chủ tư sản. Ông viết: “... năm 1911 tôi được qua Tây để xem xét cái học thuật văn minh Âu châu. Đã mười

hai năm, tôi ăn nằm trên cái mảnh đất dân chủ, hít cái hơi không khí tự do, nhờ vậy mà tôi hiểu được lẽ chánh đáng trong thế giới, phần nghĩa vụ của quốc dân, và cũng biết được chắc cái mục đích của nước nhà nên thay đổi lại thế nào. Chúng ta bây giờ cần phải đánh thức nhau dậy,... làm cho tiết hẩn cả cái sức ma quỷ chuyên chế nó đã ám ảnh chúng ta mấy ngàn năm nay;... ấy là cái chủ ý và mục đích của tôi đây”(16). Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, vấn đề giành độc lập dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của dân tộc ta. Vì vậy, có thể nói, tuy bằng nhiều con đường cứu nước khác nhau, song các nhà tư tưởng đều hướng đến *độc lập dân tộc*. Tư tưởng chính trị như vậy về cơ bản là đúng.

Về phương pháp cách mạng, các nhà tư tưởng đề ra hai phương pháp: cách mạng bạo động và đấu tranh ôn hòa. Phan Bội Châu cho rằng, thực dân Pháp là kẻ thù không đội trời chung với dân tộc ta; chúng không cho dân tộc ta phát triển kinh tế, mở mang văn hóa, giáo dục, đàn áp dã man mọi sự phản kháng, kể cả phản kháng hòa bình nhất. Cho nên, không thể sử dụng con đường hòa bình để giành độc lập dân tộc, mà chỉ có sự lựa chọn duy nhất là phương pháp bạo động. Ông viết: “Văn biết bạo động với tự sát đều là việc làm của những kẻ kiến thức hẹp hòi, không biết lo xa, nhưng nếu sự thể buộc tự sát, thà rằng xoay ra bạo động mà chết còn hơn. Vì cứ bạo động may ra còn trông được có chỗ thành công trong muôn một. Huống gì tôi đã suy đi tính lại, lúc nầy bỏ sự bạo động ra không còn có việc gì đáng làm hơn nữa”(17). Ông coi cách mạng bạo lực là một

(14) Phan Bội Châu. *Toàn tập*, t.3. Nxb Thuận Hoá, Huế, 1990, tr. 478.

(15) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.3, tr.134-135.

(16) Dẫn theo: Nguyễn Văn Dương. *Tuyển tập Phan Châu Trinh*. Nxb Đà Nẵng, 1995, tr.592.

(17) Phan Bội Châu. *Toàn tập*, t.3. Nxb Thuận Hoá, Huế, 1990, tr.201.

vấn đề cơ bản. Có thể nói, Phan Bội Châu là người đầu tiên xây dựng một hệ thống lý luận sơ khai về bạo lực cách mạng với ba vấn đề lớn: *một là*, phải tiến hành xây dựng lực lượng vũ trang; *hai là*, chuẩn bị mua sắm vũ khí; *ba là*, công tác binh vận. Nguyễn An Ninh, mặc dù theo phái đấu tranh ôn hòa, nhưng cũng nhận thấy vai trò của cách mạng bạo động. Ông viết: “Một dân tộc không biết cầm súng là một dân tộc không thể lánh nổi ách nô lệ”(18). Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng,... là những người theo phái ôn hòa. Theo Phan Châu Trinh, bạo động là chết, bởi nhân dân “không có chỗ nương thân, không có khí giới mà dùng, không có tiền của mà tiêu,... quyết không thể sống nổi trong cái thế giới này, lại còn chống cự được với ai nữa”(19). Phan Châu Trinh chủ trương sử dụng phương pháp đấu tranh hòa bình đòi dân sinh, dân chủ một cách công khai với mục đích “trông dân có trí, dân có đường sống”. Ông viết: “Cho nên sự vận động của đảng tôi, toàn là tụ tập dân chúng đường đường chính chính, diễn thuyết, họp chí sĩ, khẩu cứu chính trị thời thế, ăn to nói lớn, người và việc ai nấy đều thấy, cho nên xét nó rất dễ”(20). Phương pháp đấu tranh hòa bình có ưu điểm là không gây ra tổn thất về tính mạng và vật chất của nhân dân, làm cho nhân dân thức tỉnh, vươn lên làm cách mạng; tuy nhiên, hiệu quả của phương pháp này không cao và không triệt để, bởi bản chất của chủ nghĩa thực dân là dùng bạo lực phản cách mạng để xâm lược, áp bức các dân tộc thuộc địa và nhân dân lao động. Còn phương pháp cách mạng bạo động, về cơ bản, phù hợp với công cuộc đấu tranh giành độc lập, song cần phải có thời gian chuẩn bị, không thể nóng vội. Có thể nói, quan điểm của Phan Bội Châu là đúng trong chiến lược, còn quan điểm của Phan Châu Trinh thì đã đáp ứng được yêu cầu thực tế của xã hội lúc bấy giờ.

Vấn đề vị trí và vai trò của nhân dân cũng đã được các nhà tư tưởng quan tâm.

Cuối thế kỷ XIX, trong tư tưởng canh tân, Đặng Huy Trứ coi dân là gốc của nước, là chủ của thân; khí mệnh của nước là lấy dân làm gốc. Tư tưởng này là một trong những cơ sở, tiền đề giúp Phan Bội Châu phát triển quan điểm: *dân là chủ nước, nước là của dân*. Ông cho rằng, vua phải lấy dân làm trời, dân chính là trời của kẻ đứng đầu cai trị nước; rằng, một nước có ba điều quan trọng là nhân dân, đất đai, chủ quyền, trong đó *nhân dân* đứng thứ nhất(21). Tư tưởng này chống lại tư tưởng “tôn quân quyền”, đối lập hoàn toàn với quan điểm Nho giáo đương thời. Nói về *vai trò của nhân dân*, Phan Bội Châu nhấn mạnh: “dân ta là chủ nước non”; “nước ta hẳn là gia tài tổ nghiệp của dân ta rồi, bỏ mất nó là do dân ta, thì thu phục lại nó tất cũng phải do dân ta làm” và “nước được cường thịnh là nhờ có nhân dân”(22). Có thể nói, quan niệm *dân vi bản - dân là gốc* đã được Phan Bội Châu nâng lên một trình độ cao hơn - dân không chỉ là gốc, mà còn là chủ nước, là khí mệnh dân tộc, là chủ thể cuộc cách mạng giành độc lập dân tộc. Tương tự, Nguyễn An Ninh cũng đã khẳng định: “Chính nhân dân tạo lập nhà vua, và không phải vua lập ra dân”, “trên mảnh đất An Nam này, dân là vua chứ không phải người ngồi trên ngai vàng”(23). Quan điểm dân là chủ nước, nước là của dân là một bước chuyển tư tưởng căn bản từ quân chủ sang dân chủ. Đây là một điều mới mẻ trong suy tư chính trị đương thời,

(18) Dẫn theo: Nguyễn An Tịnh. *Nguyễn An Ninh*. Nxb Trẻ, 1996, tr.377.

(19) Dẫn theo: Nguyễn Văn Dương. *Tuyển tập Phan Châu Trinh*. Nxb Đà Nẵng, 1995, tr.352-353.

(20) Dẫn theo: Nguyễn Văn Dương. *Sđđ.*, tr.545.

(21) Phan Bội Châu. *Toàn tập*, t.2. Nxb Thuận Hoá, Huế, 1990, tr.386.

(22) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.2, tr.202,394.

(23) Dẫn theo: Nguyễn An Tịnh. *Nguyễn An Ninh*. *Sđđ.*, tr.134, 35.

là một bước tiến vượt bậc so với suy tư chính trị phong kiến. Để thực hiện quyền dân chủ, các nhà tư tưởng chủ trương: *khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh!* Theo Phan Châu Trinh, *khai dân trí* là phải bỏ lối học tầm chương trích cú, thơ văn, phù phiếm của người xưa, mở trường dạy chữ quốc ngữ, kiến thức khoa học thực dụng, bài trừ hủ tục xa hoa. Ông viết: “Ước học hành mở cho xứng đáng; Đừng vẽ hình, vẽ dạng cho qua; Công thương, kỹ nghệ chuyên khoa; Trí tri, cách vật cho ta theo cùng”(24). Để mở mang dân trí, Phan Bội Châu cho rằng, phải phát triển giáo dục, bởi “giáo dục là gốc rễ để xây dựng nền chính trị”(25). Tư tưởng về khai dân trí thực sự làm cho dân tộc thay đổi nếp suy tư cũ kỹ để vươn lên tầm nhận thức mới cao hơn, phù hợp với sự phát triển của thời đại. *Chấn dân khí* là làm cho mọi người thức tỉnh tinh thần tự lực, tự cường, giác ngộ được quyền lợi của mình, giải thoát khỏi sự kìm kẹp của chế độ quân chủ chuyên chế. Khi khảo cứu lịch sử nước nhà, Phan Châu Trinh đã đưa ra kết luận: “Lấy lịch sử mà nói thì dân tộc Việt Nam không phải là một dân tộc hèn hạ, mà cũng không phải là một dân tộc không thông minh, thế thì vì lẽ nào ở dưới quyền bảo hộ hơn 60 năm nay mà vẫn còn mê mê muội muội, bịt mắt, vít tai không chịu xem xét, không chịu học hỏi cái hay, cái khéo của người”(26). Còn theo Phan Bội Châu, trong ba vấn đề quan trọng: *học thuật, nhân tài, dân khí* thì chấn dân khí là nhiệm vụ đầu tiên, làm cơ sở cho nuôi nhân tài, đổi học thuật(27). *Hậu dân sinh* tức là phải làm cho mọi người biết phát triển kinh tế, mở mang ngành nghề, làm cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Phan Châu Trinh viết: “Nghề càng ngày càng đua càng tới; Vật càng ngày càng mới để coi; Chở chuyên đi bán nước ngoài; Lợi trong đã được, lợi ngoài

lại thêm; Được nhiều lời càng thêm tư bốn; Rộng bán buôn khắp bốn phương trời”(28). Trong hệ thống tư tưởng chính trị của các nhà tư tưởng dân chủ tư sản cũng đã hình thành quan niệm về một *mô hình chính thể*. Phan Bội Châu cho rằng, phải xóa bỏ chính thể quân chủ, xây dựng chính thể dân chủ cộng hòa gồm có ba viện, do nhân dân làm chủ, quyền lực ở nơi dân và được thực hiện thông qua các đại biểu, mọi việc do dân định liệu. Ông viết: “Bao nhiêu việc đều do công chúng quyết định. Thượng nghị viện phải đợi Trung nghị viện đồng ý, Trung nghị viện phải đợi Hạ nghị viện đồng ý mới được thi hành. Hạ nghị viện là nơi đa số công chúng có quyền tài phán các việc của Trung nghị viện và Thượng nghị viện. Phàm nhân dân nước ta không cứ là sang hèn, giàu nghèo, lớn bé đều có quyền bỏ phiếu bầu cử”(29). Có thể nói, các nhà tư tưởng dân chủ đã ý thức được tầm quan trọng của nền chính trị, coi đó là yếu tố quyết định chi phối mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của nhân dân, Phan Châu Trinh coi cái gốc tạo nên họa phúc của nhân dân chính là ở nền chính trị.

Từ thất bại của tư tưởng dân chủ tư sản, với sự tác động của phong trào cách mạng vô sản, các nhà tư tưởng dân chủ tư sản đã đến gần với chủ nghĩa Mác – Lênin. Khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, các nhà tư tưởng dân chủ tư sản Việt Nam

(24) Dẫn theo: Nguyễn Văn Dương, *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, Sđd., tr.297.

(25) Phan Bội Châu. *Toàn tập*. Sđd., t.2, tr.126.

(26) Dẫn theo: Nguyễn Văn Dương. *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, Sđd., tr.787.

(27) Xem: Phan Bội Châu. *Toàn tập*. Sđd., t.1, tr.96-97.

(28) Dẫn theo: Nguyễn Văn Dương. *Tuyển tập Phan Châu Trinh*. Sđd., tr.146.

(29) Phan Bội Châu. *Toàn tập*, t.2. Nxb Thuận Hoá, Huế, 1990, tr.255-256.

có khuynh hướng ngã theo cách mạng vô sản. Phan Bội Châu đã viết bài ca ngợi V.I.Lênin, viết về chủ nghĩa xã hội, kêu gọi đọc lý luận của C.Mác và tỏ rõ sự tin tưởng con đường cách mạng vô sản mà Nguyễn Ái Quốc lựa chọn. Ông viết: “Hiện nay đã có người khác giỏi hơn lớp chúng tôi nhiều đứng ra đảm đương công việc để làm trọn cái việc mà lớp chúng tôi không làm xong. Ông có nghe tiếng Nguyễn Ái Quốc không?... Ông ấy còn thì nước ta nhất định độc lập”(30). Phan Châu Trinh đã nghiên cứu tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin và trong bức thư gửi Nguyễn Ái Quốc năm 1922, ông viết: “Tôi biết anh hấp thu được cái chủ nghĩa của ông C.Mác, ông V.I.Lênin nên tôi cũng đem chuyện hai ông ấy mà giảng dẫn cho anh rõ” và ông khuyên Nguyễn Ái Quốc: “Bởi vậy tôi thành tâm mong mỗi anh thay đổi cái phương pháp cũ kỹ đi để mà mưu đồ đại sự”(31). Nguyễn An Ninh, mặc dù đi theo khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản, nhưng lại rất có cảm tình với chủ nghĩa Mác. Trong bài viết để chống lại triết học Nietzsche, ông đã đánh giá rất cao tư tưởng của C.Mác: “Các tác phẩm của Mác là những công trình đồ sộ, như những cánh tay vĩ đại muốn ôm lấy toàn bộ cuộc sống và nâng nó lên cao mãi theo ước vọng của loài người”(32). Ông là người đầu tiên ở Việt Nam đăng tải “*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*” của C.Mác và Ph.Ăngghen trên báo *Chuông rê* (La Cloche fêlée).

Những nội dung tư tưởng dân chủ tư sản của các nhà tư tưởng đã tạo nên bước chuyển biến quan trọng trên bình diện ý thức hệ: từ sự xuất hiện tư tưởng canh tân trong khuôn khổ hệ tư tưởng phong kiến sang tư tưởng dân chủ tư sản và tiến gần đến chủ nghĩa Mác - Lênin. Tuy nhiên, có

thể nói, bước chuyển tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX là một bước chuyển căn bản, lâu dài, khó khăn và hết sức phức tạp của các nhà tư tưởng. Tư tưởng chính trị tập trung vào nội dung quan trọng là tự cường dân tộc, nâng cao dân trí, bồi dưỡng sức dân, truyền bá tư tưởng dân chủ và dân quyền, độc lập dân tộc là mục đích tối cao với tinh thần “dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Tư tưởng chính trị này là sự tiếp thu những giá trị, những tinh hoa của phương Đông và phương Tây, đặc biệt là tư tưởng dân chủ, tiến bộ phương Tây. Mặc dù có những nội dung mới, cách mạng và tiến bộ, thể hiện tinh thần yêu nước nhiệt tình, căm thù giặc cao độ, nhưng do điều kiện, hoàn cảnh lúc bấy giờ, trong tư tưởng chính trị giai đoạn này có những biểu hiện dao động, mơ hồ, thậm chí có lúc đi đến thỏa hiệp với thực dân. Chẳng hạn, Phan Châu Trinh chủ trương dựa vào Pháp để thực hiện dân chủ, còn Phan Bội Châu thì chủ trương dựa vào Nhật để cầu viện... Tuy những chủ trương của các ông chỉ là nhất thời, nhưng nó cũng gây ra những ảnh hưởng không tốt đến tinh thần cách mạng của dân tộc. *Nguyên nhân của những sai lầm này chính là chưa có một lý luận khoa học soi đường*, nên chưa nhận thức đầy đủ bản chất của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Không những thế, trong các phạm trù dân chủ tư sản mà các ông nêu ra vẫn còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo ở những mức độ nhất định.□

(30) Dẫn theo: Chương Thâu, Trần Ngọc Vượng. *Phan Bội Châu về tác giả và tác phẩm*. Nxb Giáo dục, 2001, tr.415.

(31) Dẫn theo: Nguyễn Văn Dương. *Tuyển tập Phan Châu Trinh*. Sđd., tr.701.

(32) Dẫn theo: Nguyễn An Tịnh. *Nguyễn An Ninh*. Sđd., tr. 334.